

Bản án số: 90/2021/DS-PT  
Ngày 22-12-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hà Nam

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:** Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 10A, xã X1, huyện X, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 17, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 10A, xã X1, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn C: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 10A, xã X1, huyện X, tỉnh Nam Định (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 07 năm 2021).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị H, anh N có mặt. Anh C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị có mối quan hệ làm ăn với anh Phạm Văn N. Khi anh N cần tiền hỏi vay, chị đã đồng ý và cho anh N vay hai lần: Lần thứ nhất vào ngày 01/02/2018, chị cho anh N vay 80.000.000đ không ghi thời hạn vay. Lần thứ hai vào ngày 26/12/2018 chị cho anh N vay tiếp 90.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận. Cả hai lần vay, anh N là người trực tiếp ký giấy vay tiền. Cuối năm 2019, mẹ đẻ anh N là bà Đỗ Thị K đến nhà chị H trả thay cho anh N 20.000.000đ. Từ đó đến nay mặc dù chị nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng anh N không trả. Nay chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh N trả cho chị số tiền vay gốc là 170.000.000đ và số tiền lãi tính đến ngày 02/6/2021 là 37.272.000đ. Tổng số tiền anh N phải trả cho chị là 207.272.000đ.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Phạm Văn N trình bày:

Về mối quan hệ giữa anh và chị Bùi Thị H như chị H đã trình bày là đúng. Anh nhất trí là lần thứ nhất có vay của chị H 80.000.000đ nhưng đã trả lãi cho chị H được gần một năm với số tiền khoảng 70.000.000đ đến 80.000.000đ. Lần thứ hai anh có vay của chị H 40.000.000đ. Tổng số tiền hai lần anh N vay của chị H là 120.000.000đ. Năm 2019, anh N có nhờ mẹ đẻ là bà Đỗ Thị K mang 20.000.000đ trả cho chị H, chồng chị H là anh Phạm Văn C đã nhận và viết vào giấy biên nhận. Số tiền còn lại anh đề nghị với chị H là cho anh trả dần, chị H đồng ý.

Ngoài ra anh N trình bày đối với lần vay tiền thứ hai ngày 26/12/2018, chữ viết ký trên giấy vay tiền không phải do anh viết ra và anh chỉ vay 40.000.000đ chứ không phải 90.000.000đ như chị H trình bày; nếu hai bên không thỏa thuận được khoản vay này thì anh đề nghị giám định chữ ký và chữ viết trên giấy ghi nợ ngày 26/12/2018. Tuy nhiên tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 07/7/2021 anh N không yêu cầu giám định chữ viết. Anh N xác nhận tổng số tiền nợ chị H là 100.000.000đ, anh có trách nhiệm thanh toán trong thời gian sớm nhất và trả dần cho chị H thành từng đợt. Việc anh vay nợ với mục đích tiêu dùng cá nhân, không liên quan đến vợ. Ngoài ra anh N không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Nam Định đã quyết định. Căn cứ vào các Điều

463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H đối với anh Phạm Văn N. Buộc anh Phạm Văn N phải thanh toán trả cho chị Bùi Thị H, anh Phạm Văn C số tiền nợ gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15-9-2021 anh Phạm Văn N có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Phạm Văn N giữ nguyên đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bác đơn kháng cáo của anh Phạm Văn N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét kháng cáo của anh Phạm Văn N thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phạm Văn N được làm trong thời hạn luật định, do vậy được HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo của anh Phạm Văn N. HĐXX nhận thấy vào ngày 01/02/2018 chị Bùi Thị H cho anh N vay 80.000.000 đồng; đến ngày 26/12/2018 chị Bùi Thị H cho anh N vay tiếp 90.000.000 đồng, khi vay tiền các bên có lập Giấy vay tiền, thể hiện số tiền cho vay, còn lãi suất theo thỏa thuận. Đối với Giấy vay tiền lần thứ nhất vào ngày 01/02/2018 không ghi thời hạn vay, đối với Giấy vay tiền lần thứ hai vào ngày 26/12/2018 có ghi thời hạn vay 01 tháng; cả hai lần vay, anh N là người trực tiếp ký giấy vay tiền. Như vậy tổng số tiền mà chị H cho anh N vay 02 lần là 170.000.000 đồng.

Đến cuối năm 2019, mẹ đẻ anh N là bà Đỗ Thị K đến nhà chị H trả thay cho anh N 20.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H chấp nhận trừ số tiền

20.000.000 đồng này vào số tiền gốc. Như vậy số tiền gốc hiện nay anh N còn nợ đối với chị H là 150.000.000 đồng, do việc chị H không yêu cầu anh N phải trả tiền lãi suất của số tiền này, cho nên cấp sơ thẩm chỉ buộc anh N phải có nghĩa vụ trả cho chị H 150.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh N xác nhận có vay của chị H 02 lần với số tiền là 170.000.000 đồng. Đến cuối năm 2019, anh N nhờ mẹ đẻ là bà Đỗ Thị K đến nhà chị H trả thay cho anh N 20.000.000 đồng. Ngoài ra anh đã trả được cho chị H 50.000.000 đồng nữa, nhưng anh không nhớ rõ thời gian. Tuy nhiên ngoài lời khai thì anh N không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả cho chị H số tiền 50.000.000 đồng nói trên. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận quan điểm của anh N.

[4] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của anh Phạm Văn N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện X.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, cho nên anh Phạm Văn N phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Giữ nguyên bản án sơ thẩm**

Căn cứ vào các Điều 463,466,469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H đối với anh Phạm Văn N

2. Buộc anh Phạm Văn N phải thanh toán trả cho chị Bùi Thị H, anh Phạm Văn C số tiền nợ gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Phạm Văn N phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0002093 ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện X. Anh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Hà Nam**